

THUẾ TỈNH THANH HÓA
THUẾ CƠ SỞ 6 TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TCS 6-NVDTPC
V/v chính sách thuế đối với HKD,
CNKD tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP
và Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

Yên Định, ngày tháng 3 năm 2026

Kính gửi:

- UBND các xã: Yên Định; Yên Trường; Yên Phú; Quý Lộc; Yên Ninh; Định Tân; Định Hòa; Thiệu Hóa; Thiệu Trung; Thiệu Quang; Thiệu Tiến; Thiệu Toán, thuộc tỉnh Thanh Hóa;
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn quản lý.

Thực hiện Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026 của Chính phủ Quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, có hiệu lực từ ngày 05/3/2026; Thông tư số 152/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 hướng dẫn chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 Quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và các văn bản hướng dẫn thi hành của Cục Thuế. Thuế cơ sở 6 tỉnh Thanh Hoá giới thiệu một số điểm mới về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cụ thể như sau:

I. Quyền và trách nhiệm:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có quyền yêu cầu cơ quan thuế hướng dẫn, giải đáp thắc mắc, hỗ trợ về khai thuế, tính thuế và nộp thuế.
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự kê khai đầy đủ, chính xác doanh thu phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh để xác định số thuế phải nộp theo quy định của pháp luật thuế và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai.
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện thông báo cho cơ quan thuế theo phương thức điện tử tất cả các số tài khoản mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, số hiệu ví điện tử mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán liên quan đến sản xuất, kinh doanh.
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm sử dụng sổ kế toán theo quy định của pháp luật kế toán và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính; sử dụng hóa đơn theo quy định.
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm cung cấp sổ kế toán, hóa đơn, phần mềm quản lý bán hàng, tài liệu liên quan theo yêu cầu của cơ quan thuế khi kiểm tra thuế.
- Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

II. Doanh thu để xác định thuế:

1. Doanh thu là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền; bao gồm cả các khoản thưởng được nhận, khoản được nhận từ hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thanh toán, khoản hỗ trợ được nhận bằng tiền hoặc không bằng tiền, các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, doanh thu khác mà cá nhân kinh doanh được nhận không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền, không bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

2. Thời điểm xác định doanh thu:

- Đối với hoạt động bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá cho người mua;

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua

III. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thuế TNCN:

1. Các khoản chi được trừ pháp đáp ứng các điều kiện:

- Các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, pháp luật về kế toán;

- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thanh toán từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên theo pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập tính thuế: Không đáp ứng điều kiện trên.

IV. Về chính sách thuế, khai thuế, nộp thuế, hoá đơn và sổ sách kế toán:

Chỉ tiêu	Doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống	Doanh thu năm trên 500 triệu đến 3 tỷ đồng	Doanh thu năm trên 3 tỷ đến 50 tỷ đồng	Doanh thu năm trên 50 tỷ đồng
Thuế GTGT	Không chịu thuế	Số thuế phải nộp = Tỷ lệ (%) x Doanh thu		
Thuế TNCN	Không phải nộp thuế	Lựa chọn một trong 2 cách sau: Cách 1: Số thuế TNCN phải nộp = Tỷ lệ x (Doanh thu - 500 triệu) Cách 2:	Số thuế TNCN phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất (17%)	Số thuế TNCN phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất (20%)

		Số thuế TNCN phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất (15%)		
Các loại thuế, phí khác	Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật thuế thì việc xác định nghĩa vụ thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về từng loại thuế tương ứng.			
Kỳ kê khai/thời hạn kê khai/nộp thuế	<ul style="list-style-type: none"> - 1 lần/năm; Chậm nhất là 31/01 năm sau - HKD ra kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2026: 2 lần/năm: <ul style="list-style-type: none"> + Lần 1 ngày 31/07/2026. + Lần 2 ngày 31/01/2027. - HKD ra kinh doanh trong 6 tháng cuối năm 2026: 1 lần/năm: Chậm nhất là 31/01/2027. - Trường hợp phát sinh doanh thu thực tế > 500 triệu: kể từ quý phát sinh DT thực tế > 500 triệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quý - Chậm nhất ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý sau 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quý - Chậm nhất ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý sau 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo tháng - Chậm nhất ngày 20 tháng sau (Đối với tờ khai tháng 1,2,3 năm 2026 chậm nhất là ngày 20 tháng 4 năm 2026)
	Đối với các loại thuế khác: hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định số thuế phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế và thực hiện khai thuế, nộp thuế cùng với kỳ khai thuế giá trị gia tăng hoặc cùng thời hạn thông báo doanh thu thực tế phát sinh.			
Quyết toán năm	Không	Thực hiện quyết toán thuế TNCN đối với trường hợp tính thuế theo cách 2 nêu trên	Thực hiện quyết toán thuế TNCN	Thực hiện quyết toán thuế TNCN
Hóa đơn điện tử	Không	- Doanh thu năm từ 01 tỷ/năm trở lên bắt buộc sử dụng	Bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử	Bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử

		- Doanh thu trên 500 triệu đến dưới 01 tỷ không bắt buộc, khuyến khích sử dụng		
	Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì thực hiện khai và nộp thuế trước khi được cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;			
Sổ sách áp dụng	Số doanh thu bán hàng hóa dịch vụ (Mẫu S1a-HKD)	<p>Cách 1 nêu trên: Số doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (Mẫu S2a-HKD)</p> <p>Cách 2 nêu trên: Thực hiện như HKD có doanh thu trên 3 tỷ đồng/năm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (Mẫu S2b-HKD) - Sổ chi tiết doanh thu, chi phí (Mẫu S2c-HKD) - Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu S2d-HKD) - Sổ chi tiết tiền - (Mẫu S2e-HKD) 	<ul style="list-style-type: none"> - Số doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (Mẫu S2b-HKD) - Sổ chi tiết doanh thu, chi phí (Mẫu S2c-HKD) - Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu S2d-HKD) - Sổ chi tiết tiền - (Mẫu S2e-HKD)
	Đối với các loại thuế khác: Sổ theo dõi nghĩa vụ thuế khác – (Mẫu S3a-HKD)			
Lưu ý:	<i>Thu nhập tính thuế được xác định bằng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trừ (-) chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế.</i>			

V. Tỷ lệ % tính thuế GTGT và thuế suất thuế TNCN như sau:

Nhóm ngành nghề	Tỷ lệ % tính thuế GTGT	Thuế suất tính thuế TNCN
Phân phối, cung cấp hàng hóa	1 %	0,5 %
Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật	5 %	2 %

liệu		
Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	3 %	1,5 %
Hoạt động kinh doanh khác	2 %	1 %
Đối với hoạt động cho thuê tài sản, bất động sản; Hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số	5 %	5 %
Đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp	-	5 %

VI. Một số nội dung khác:

1. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 03 tỷ đồng hoặc có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng đang áp dụng phương pháp tính thuế TNCN theo thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thì thực hiện **ổn định phương pháp tính thuế trong 02 năm liên tục kể từ năm đầu tiên áp dụng**. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng đang áp dụng phương pháp tính thuế TNCN theo thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế, nếu hết năm xác định doanh thu thực tế năm trên 03 tỷ đồng thì từ năm tiếp theo phải chuyển sang áp dụng phương pháp tính thuế TNCN theo thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử. Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt, bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc thuộc trường hợp bất khả kháng khác, không thể thực hiện giao dịch điện tử thì nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã.

3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế TNCN theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thực hiện khai tạm nộp thuế TNCN theo tháng, quý trên cùng hồ sơ khai thuế GTGT. Số thuế TNCN tạm nộp bằng thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế của tháng, quý và khai quyết toán thuế TNCN theo năm. Trường hợp số thuế TNCN đã tạm nộp ít hơn số thuế đã khai tạm nộp, số thuế tạm nộp ít hơn số thuế phải nộp khi quyết toán thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp bổ sung và không phải tính tiền chậm nộp. Trường hợp số thuế TNCN tạm nộp nhiều hơn số thuế phải nộp khi quyết toán thì thực hiện thủ tục xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định.

4. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác trong nước hoặc nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán có trách nhiệm thực hiện khấu trừ, khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo

quy định tại Nghị định số 117/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ, cá nhân.

5. Cá nhân trực tiếp khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản thì cá nhân được lựa chọn khai thuế hai lần trong năm tính thuế hoặc khai thuế một lần theo năm tính thuế. Trường hợp khai thuế hai lần trong năm tính thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế lần thứ nhất chậm nhất là ngày 31/7 của năm tính thuế và lần thứ hai chậm nhất là ngày 31/01 của năm dương lịch tiếp theo năm tính thuế. Trường hợp khai thuế một lần theo năm tính thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày 31/01 của năm dương lịch tiếp theo năm tính thuế. Trường hợp tổ chức thuê bất động sản là người khai thuế thay, nộp thuế thay thì tổ chức thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế xác định theo kỳ thanh toán tiền thuê bất động sản.

Đối với các hợp đồng cho thuê bất động sản phát sinh trước thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thời hạn còn lại của hợp đồng trên 06 tháng nếu đã nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân thì được điều chỉnh mức doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 1 Điều 3, mức doanh thu không phải nộp thuế thu nhập cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này, trường hợp mức doanh thu còn lại trên 500 triệu đồng thì thực hiện nộp thuế theo quy định tại Nghị định này và được xử lý tiền thuế đã nộp theo quy định tại Điều 12 Nghị định này (nếu có).

Tờ khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản mới theo Thông tư 18/2026/TT-BTC là Mẫu số 01/BDS và Phụ lục Bảng kê chi tiết bất động sản theo Mẫu số 01/BK-BDS. Riêng tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản là tờ khai theo Mẫu số 01/TCKT và phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân cho thuê bất động sản theo Mẫu số 02/BK-KTBDS.

6. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán từ năm 2025 trở về trước và đã được xác định mức thuế khoán (bao gồm cả trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thay đổi về quy mô sản xuất kinh doanh dẫn đến doanh thu khoán thuế thay đổi từ 50% trở lên) theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành, khi chuyển sang thực hiện kê khai thuế kể từ ngày 01/01/2026, cơ quan thuế không sử dụng doanh thu khai thuế năm 2026 để xác định lại nghĩa vụ thuế các năm trước, không xử phạt vi phạm hành chính đối với các nghĩa vụ thuế đã thực hiện theo phương pháp khoán, trừ trường hợp cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hành vi che giấu doanh thu dẫn đến thiếu số thuế phải nộp.

7. Trường hợp khai thuế theo tháng thì hồ sơ khai thuế tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2026 gửi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 20/4/2026;

các quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế, gia hạn nộp hồ sơ khai thuế, gia hạn nộp thuế, trường hợp tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân và các nội dung quản lý thuế khác tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thực hiện cho đến khi có văn bản thay thế.

8. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong năm 2025 nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc phương pháp kê khai, có mức doanh thu từ 03 tỷ đồng trở lên hoặc từ năm 2026 lựa chọn nộp thuế TNCN theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện xác định, ghi nhận giá trị hàng tồn kho, máy móc, thiết bị đang phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại thời điểm ngày 31/12/2025 để làm căn cứ xác định chi phí được trừ khi tính thuế TNCN cho kỳ tính thuế năm 2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lập Bảng kê hàng tồn kho, máy móc, thiết bị theo Mẫu số 01/BK-HTK theo Thông tư 18/2026/TT-BTC, lưu giữ tại hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và gửi 01 bản cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bằng phương thức điện tử cùng hồ sơ khai thuế quý I năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo quý hoặc chậm nhất là ngày 20/4/2026 đối với trường hợp khai thuế theo tháng. Cơ quan thuế tiếp nhận thông tin để phục vụ công tác quản lý thuế. Việc tiếp nhận bảng kê của cơ quan thuế không có giá trị pháp lý trong việc xác nhận hoặc hợp thức hóa nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của thông tin tại Bảng kê, trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

9. Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động, đã nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc phương pháp kê khai trong năm 2025, có doanh thu từ 500 triệu đồng trở xuống gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC chậm nhất là ngày 20/4/2026.

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động, đã thực hiện nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc phương pháp kê khai trong năm 2025 có mức doanh thu trên 500 triệu đồng gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC kèm theo Tờ khai thuế đầu tiên của năm 2026.

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC kèm theo Thông báo doanh thu hoặc Tờ khai thuế đầu tiên của năm 2026.

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi thay đổi thông tin số tài khoản/số hiệu ví điện tử thì thông báo cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

10. Hồ sơ thông báo doanh thu, kê khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, không phải nộp thuế TNCN (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh) thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm và kê khai các loại thuế khác theo Mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo Thông 18/2026/TT-BTC.

- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế TNCN theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế, hồ sơ khai thuế GTGT, thuế TNCN và các loại thuế khác là Tờ khai theo Mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.

- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất

+ Hồ sơ khai thuế GTGT, thuế TNCN và các loại thuế khác trong năm là Tờ khai theo Mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.

+ Hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN là Tờ khai quyết toán thuế TNCN theo Mẫu số 02/CNKD-TNCN-QTT ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.

- Đối với cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp, hoạt động kinh doanh khác chưa khấu trừ, nộp thuế trong năm là tờ khai thuế năm theo Mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.

11. Quy định mới về hồ sơ đề nghị hoàn thuế nộp thừa:

- Hồ sơ đề nghị hoàn thuế nộp thừa đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế TNCN theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế là Tờ khai thuế theo Mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.

- Hồ sơ đề nghị hoàn thuế nộp thừa đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế TNCN theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất là Tờ khai thuế theo Mẫu số 02/QTT-TNCN-CNKD ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC.

12. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh hoặc hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu tính thuế GTGT năm trước chưa đến 01 tỷ đồng nhưng trong năm tính thuế có doanh thu tính thuế GTGT từ 01 tỷ đồng trở lên thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế. Hộ kinh doanh, cá

nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian 30 ngày kể từ ngày cuối cùng của kỳ tính thuế có doanh thu tính thuế GTGT lũy kế từ 01 tỷ đồng trở lên.

Thuế cơ sở 6 tỉnh Thanh Hóa giới thiệu một số nội dung mới về chính sách thuế và quản lý thuế, hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; đồng thời, đề nghị UBND các xã phối hợp nghiên cứu, triển khai tuyên truyền, phổ biến đến tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh biết và thực hiện.

Các vướng mắc, đề nghị liên hệ theo số điện thoại 0947.096.595, Email: Nahao.tho@gdt.gov.vn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo TCS6;
- Các Tổ Thuế;
- Lưu VT; NVDTPC.

Link tải tài liệu kèm theo:

**KT. TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ**



Nguyễn Đức Thắng